

WORKSHEET FOR

---Name: LE THI XUAN LAI

Other names used: NO

Sex: F DOB: (maddy) 01/04/46 COB: VN
Address in Vietnam:

511/71 NGUYEN HUYNH DUC PHU NHUAN
T.P. HO CHI MINH, VIET NAM

	NAME	Sex	DOB	Rel.	COS	ACCOMPANY
		M/F	MM DD YY	PA		FALCON
						MM DD YY
1.	LE THI XUAN LAI	F	01 04 48	FA	VN	
2.	TRINH VIET THAI	M	05 05 43	HU	VN	
3.	TRINH QUYNH DAO	F	11 08 67	DA	VN	
4.	TRINH ANH THU		09 09 89 69	SO	VN	
5.	TRINH QUYNH ANH	F	04 02 73	DA	VN	
6.						
7.						
8.						
9.						
10.						
11.						
12.						
13.						
14.						

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Symbol: 1J p4-1 Priority Date: 01/22/82
 06/23/85 Rel-Sponsor to PA: FA

YENL #1 SAY #1 JEL:

USG Empl/Training (Cat 2):

Pvt US Empl/Training (Cat 3-AC);-----

GVN/RVNAP SVC:

CAT 1 PKT: --/--/-- FLUP: --/--/-- OTHER: -----

CAT 2/3 PKT: --/--/-- FLUP: --/--/-- OTHER: -----

Replist by:----- ON: --/--/-- LOI Sent: --/--/-- NOT

Other Actions: -----

VOLAG NAME:-----

VOLAG ASSURE Sought --/--/-- Recd: --/--/-- V #1-- -- -- MAN

POSSIBLE CUPS:	1	2	3	4	5
1	1	1	1	1	1
2	1	1	1	1	1
3	1	1	1	1	1
4	1	1	1	1	1
5	1	1	1	1	1
6	1	1	1	1	1
7	1	1	1	1	1
8	1	1	1	1	1
9	1	1	1	1	1
10	1	1	1	1	1
11	1	1	1	1	1
12	1	1	1	1	1
13	1	1	1	1	1
14	1	1	1	1	1
15	1	1	1	1	1
16	1	1	1	1	1
17	1	1	1	1	1
18	1	1	1	1	1
19	1	1	1	1	1
20	1	1	1	1	1
21	1	1	1	1	1
22	1	1	1	1	1
23	1	1	1	1	1
24	1	1	1	1	1
25	1	1	1	1	1
26	1	1	1	1	1
27	1	1	1	1	1
28	1	1	1	1	1
29	1	1	1	1	1
30	1	1	1	1	1
31	1	1	1	1	1
32	1	1	1	1	1
33	1	1	1	1	1
34	1	1	1	1	1
35	1	1	1	1	1
36	1	1	1	1	1
37	1	1	1	1	1
38	1	1	1	1	1
39	1	1	1	1	1
40	1	1	1	1	1
41	1	1	1	1	1
42	1	1	1	1	1
43	1	1	1	1	1
44	1	1	1	1	1
45	1	1	1	1	1
46	1	1	1	1	1
47	1	1	1	1	1
48	1	1	1	1	1
49	1	1	1	1	1
50	1	1	1	1	1
51	1	1	1	1	1
52	1	1	1	1	1
53	1	1	1	1	1
54	1	1	1	1	1
55	1	1	1	1	1
56	1	1	1	1	1
57	1	1	1	1	1
58	1	1	1	1	1
59	1	1	1	1	1
60	1	1	1	1	1
61	1	1	1	1	1
62	1	1	1	1	1
63	1	1	1	1	1
64	1	1	1	1	1
65	1	1	1	1	1
66	1	1	1	1	1
67	1	1	1	1	1
68	1	1	1	1	1
69	1	1	1	1	1
70	1	1	1	1	1
71	1	1	1	1	1
72	1	1	1	1	1
73	1	1	1	1	1
74	1	1	1	1	1
75	1	1	1	1	1
76	1	1	1	1	1
77	1	1	1	1	1
78	1	1	1	1	1
79	1	1	1	1	1
80	1	1	1	1	1
81	1	1	1	1</	

REF ID: A615520 515520 515522 515523

FUTURE PROGRAM

NUMBER IV 515521

SPONSOR IN THE UNITED STATE

GPR IO = ODP
RUN DATE: 09/22/81
PAGE NO. 9

01 LE FA MOAR

NEW ADDRESS:

Р. В. Давыдов

ophone (Home): / / (Business): -7 -7-

000000: REF PBA SEC TEL.:

RELATIVES

Documentation					
BCT	MC	NCT	GVN	PHOTO	OTHER
					1
					2
					3
					4
					5
					6
					7
					8
					9
					10
					11
					12
					13
					14

USE ONLY
SPONSOR IN THE UNITED STATES

LED ACR ACS BC HCT MC MET GVN PHOTO OTHER

[illegible]

----- to -----

1949/10/10 23 1949/10/10

1. AND:-----Refd Camp: --/--/-- to --/--/--

1. 本行在 2017 年 12 月 31 日及 2018 年 6 月 30 日，均无因提供担保而形成的或有负债。

第 2 步: 在“数据源”列表框中, 单击“数据表”按钮, 如图 10-1-10 所示。

IC OF EXIT PERMIT --/--/-- PERMIT # ----- FEEDBACK LIST --/--

~~-----Medical Program-----~~

RECORDS: Sought --/--/-- Supp --/--/--

[illegible]

30 NỘI VỤ
T. I. Tân Hiệp...

30 HỒ SƠ HỒI CỨU QUỐC GIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 001-QL
Thí hành theo
Chỉ thị số
105 ngày 21,
tháng 10 năm 1942.

--	--	--	--	--	--	--	--

8880.

GIẤY RA TRAI.

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ công an.
Thí hành án văn, quyết định tha số 21 ngày 8 tháng 4

năm 1981 của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh: Lê Bá Hay

Họ và tên thường gọi: ngay tên Lê Bá Hay

Họ và tên bí danh: ...

Sinh ngày ... tháng ... năm 1948

Nơi sinh: Bình Thuận

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

475/13 Đường Cách Mạng Tháng 8 Quận 10

Cán tội: Thiếu úy trưởng ban 5

Bị bắt ngày: 25-6-75 Án phạt: ...

Theo quyết định, án văn số ... ngày ... tháng ... năm ...

Đã bị tổng án: ... lần, cộng thành ... năm ... tháng.

Đã được giảm án ... lần, cộng thành ... năm ... tháng.

Nay và cư trú tại: 475/13 Đường Cách Mạng Tháng 8 Quận 10

TP. HỒ CHÍ MINH

HOÀN XÉT QUA TRÌNH CẢI TẠO

Quản chế 12 tháng

Lưu ý: Nếu cần trả phôi

của Lê Bá Hay

Danh bản số: 8146

lập tại: Tân Hiệp

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Lê Bá Hay

Lê Bá Hay

11/ tháng 10 năm 1981

Giám chỉ:



Phạm Ngọc Dương

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN 10

PHƯỜNG Chí Hoà

Số hiệu : 33

miễn phí

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 03 tháng 4 năm 19 75

Tên họ chồng	LÊ BÁ HAY
Ngày và nơi sanh	11-2-1948 tại Long phú, Thiệu giáo, Bình- thuan
Tên họ cha chồng	Lê bá Hoà (s) (Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	Lê thị Thanh (s) (Sống/Chết)
Tên họ vợ	NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG
Ngày và nơi sanh	24-8-1953 tại Gia lộc, Tây ninh
Tên họ cha vợ	//// (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	Nguyễn thị Kim (s) (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	03-4-1975
Có lập hôn khế không	



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon ngày 08 tháng 4 năm 19 75

VIỆN-CHỨC HỘ-TỊCH,

NGUYỄN-CHÂU-DÌNH

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Hướn-Thị số 650 - 403 ngày 27-01-1972)

I - PHẦN DÀNH CHO QUÂN NHÂN XIN KẾT-HÔN : ĐƠN XIN KẾT-HÔN

1.- Cấp-bậc, Binh-nghệ, Họ tên quân-nhân xin kết-hôn :

Trung-Úy MD LÊ VĂN HAY

2.- Số quân và Đơn-vị :

62 A II.024

Đoàn 1/II

3.- Ngày, nơi sinh : 11.02.48, Long Phú, Bình Thuận

4.- Gia-cảnh : Do-thân

5.- Họ tên cha mẹ : LÊ VĂN HOA, LÊ THỊ THANH

6.- Họ tên vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG

7.- Nghề-nghiệp : Nồi trô

8.- Ngày, nơi sinh : 24.05.73, tại Thủ Đức

9.- Gia-cảnh : Do-thân

10.- Địa-chỉ : 808 Q.7, Lê Văn Duyệt, Sài-gon

11.- Họ tên cha mẹ vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : cha / mẹ NGUYỄN THỊ XIM (ch)

12.- CAM-KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi-phạm điều 12. Luật-Gia-dinh (1) và trong trường hợp người phối-ngẫu của tôi là cô (hoặc) NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phướng hại đến an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn thương đến danh dự QLVNCH (Điều 191 Sắc-luật : 13/CT/LQG/SL ngày 20.10.64 bắt buộc người vợ quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phướng hại cho thanh danh của Quân-Đội)

13.- Làm tại KBC 4342, ngày 04.11.1974

14.- Chữ ký của quân-nhân xin kết-hôn : *[Signature]*

II - QUYẾT-ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC THẨM QUYỀN

Số : 18605

/TĐM/KC/MC/HTP/KH

15.- Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ của giới chức thẩm quyền :

Thượng-Tướng NGUYỄN XUÂN TRANG

Chấp thuận và lưu-ý quân nhân được phép kết-hôn (1) : *[Signature]* là *[Signature]* Phó-Nhân-Viên

a/- Quyết-Định cho phép kết-hôn này chỉ có giá-trị trong phạm-vi QLVNCH và có hiệu-lực trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành. Quá thời hạn này đương-sự phải xin triển hạn hay hủy-bỏ

b/- Ngoài những hình phạt về Quân-kỷ, nếu vi-phạm Hướn-Thị số 650 - 403 ngày 27.01.1972 đương-sự còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật chiến theo Sắc-luật 157.64 ngày 23.7.64

16.- NỘI NHẬN :

Đoàn 41 Bộ Binh

Kho nhất-ti và tổng chi ở đơn vị

Đoàn 1/II.024

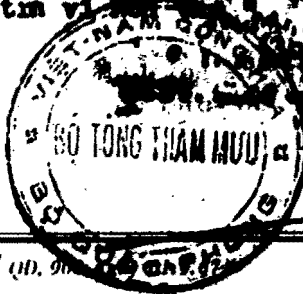
Tiền Đoàn 6 Quan Cảnh

Kem hồ sơ do điều tìm vi

- Lưu

17.- KBC 4342, ngày 04.11.1974

[Signatures and stamps of officials]
Thượng-Tướng NGUYỄN XUÂN TRANG
Thống-Lệnh NGUYỄN XUÂN TRANG
Thống-Mưu Phó-Nhân-Viên
Thống-Mưu Phó-Nhân-Viên
Thống-Mưu Phó-Nhân-Viên



CHỈ DẪN

PHẦN I. - Do quân-nhân muốn xin kết hôn diện khuyết tùy theo số bản ấn-định bằng máy đánh chữ các O từ số 1 đến O số 13 và ký tên vào O số 14. Nếu không có máy chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối "chữ in". Tất cả các O phải ghi đầy đủ và sạch-sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ phải hoạn tra để thiết-lập lại.

- O số 1 : - Thành phần QLVNCH ghi bằng chữ tắt tiếp theo cấp-bậc và sau đó là Binh ngạch cùng bằng chữ tắt.
- Họ tên (kể cả O 3, 5, 6, 8, 11 ghi đúng theo khai sinh.
(thí-dụ : - Đại-Ủy ĐPQ/ĐƯ NGUYỄN-VAN-CAN
- Chuẩn-Ủy CLQ/TB NGUYỄN-NGOC-SON).
- O số 2 : - Số quân ghi đầy đủ 8 số, Đơn-vị ghi rõ Tiểu-Đoàn, Trung-Đoàn, Sư-Đoàn.
(Thí-dụ : - Tiểu-Đoàn 3, Trung-Đoàn 46/SD 25BB
- Phòng TQT/BCH 3 Tiếp-Vận).
- O số 3 : - Gia cảnh ghi : Độc thân, góa vợ hoặc ly-di.
- O số 7 : - Nghề-nghiệp ghi rõ : cấp-bậc, số quân, Đơn-vị hay ngạch trật, nhiệm-sở, nếu người phối ngẫu là Nữ-Quân-Nhân hay Công-Chức.
- O số 10 : - Địa chỉ ghi rõ nơi cư ngụ của người hôn phối (số nhà, Đường, Quận, Tỉnh hay Số nhà, Ấp, Xã, Quận, Tỉnh).
- O số 13 : - Ghi K. B. C. của Đơn-vị.

PHẦN II . - Dành cho Cơ-Quan hoặc Đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn.

CƯỚC-CHỮ : (1)

ĐIỀU 12 Sắc-Luật 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964.

Sự kết hôn bị cấm chỉ giữa những người tôn thuộc, ti thuộc hay người phối ngẫu của người đó về trước với bất luận là hôn nhân chính thức, ngoại hôn hay nghĩa-dưỡng.

Về bảng hệ sự kết hôn bị cấm chỉ giữa những hạng người

như sau đây :

1. - Anh chị em đồng phụ mẫu hay đồng cha khác mẹ, hay đồng mẹ khác Cha, hay anh chị em nuôi.

2. - Chú, bác, cậu với cháu, cô, dì với cháu trai, Ông chú, Ông bác, Ông Cậu với cháu gái, Bà cô, Bà dì với cháu trai.

3. - Anh, chị, em con chú, con bác, con cậu, con cô, con dì, cả hai bên nội ngoại, anh em với em, chú, cháu chú, cháu bác, cháu cậu, cháu cô, cháu dì về bên nội cũng như bên ngoại.

Tuy nhiên giữa họ con bác, họ con cô, họ con cậu, họ con dì nếu có lý-do quan-trọng, THỦ-TƯỚNG có thể đặc-biệt cho phép kết-hôn. /-

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
7813 Marthas Lane - Falls Church, VA 22043

Page: _____

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

AS OF: _____

Order:	Prisoner's	:	Former	:	Currently:	:	Former	:	Date of Application:	Name and Address, Tel. No.
No. :	Name and address	:	rank/position:	:	detained :	:	Prisoner	:	For Orderly Depart-:	Of Relative in
:	:	:	:	:	in prison:	:	in VN	:	ure in U.S.	U.S.
:	:	:	:	:	Yes: No :	:	Yes : No :	:	:	:

Date

1	Le-Ba-HAY Born 02-11-1948 Long-Phu, Binh-Thuan Vietnam. 475/13 C.M.T.8 Ho-Chi-Minh City Vietnam	Officier	Yes Trang-Lon camp. Suoi-Mau camp Xuan-Loc camp.	Yes	6-25-1975 to 4-18-1981	No	Le-Ba-Hoan
2	Le-Ba-Bay Born 18-10-1948 Binh-Thuan Vietnam 475/13 C.M.T.8 Ho-Chi-Minh CityV.N.	Soldier	Yes reeducation	Yes	disarmed	No	Le-Ba-Hoan

LE BA HAY

- Sĩ Quan, tù cải tạo 3 năm

475/13 Cách Mạng Tháng 8

Phường 23 - Quận 10.

HCM City

Sponsor

LE BA HOAN

US Citizen

Đã vô rãnh
11/04 / 84



cho hồ sơ bỏ thư

gửi thư rồi

Số 2

canh

ODP.

02 26 -

85